TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **283/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền.**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Nguyễn Văn Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 363/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1984; Cư trú: ấp Phước Khánh, xã Phước Hưng, huyện An Phú, An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ,** sinh năm 1986; Cư trú: ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện An Phú, An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hôn nhân của bà Th và ông Đ được hình thành là do thông qua mai mối rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Phước Hưng, huyện An Phú. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên gây cải dẫn đến làm mất hạnh phúc vợ chồng. Từ đó hai người ly thân

nhau cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/4/2007 hiện do bà Thắm nuôi dạy, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi.

Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có nợ ai cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông Đón để giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, bà Thắm bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đón theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhân thấy, bà Th và ông Đ vợ chồng có đăng ký kết hôn, hai người có 01 con chung, qua kết quả xác minh thì ông Đón đi làm thuê, hiện con chung bà Thắm đang nuôi cháu Nhi nên tiếp tục để bà Th nuôi dạy cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, bà Th không yêu cầu cấp dưỡng, về hôn nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đồng ý ly hôn, tài sản chung nợ chung khai không có, đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thắm, từ những quan điểm trên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về sự vắng mặt của ông Đ, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông Đ không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt ông Đón.

[2] Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Th và ông Đ được hình thành là do cha mẹ định đoạt, hai bên đồng ý tiến hành tổ chức đám cưới vào năm 2008 và hai người sống

chung nhau từ thời gian đó, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt nhưng lời khai của bà Th là phủ hợp với biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2018 mà Tòa án tiến hành làm việc với ông Phạm Văn Ng, khai như sau: Đón là cháu ruột kêu ông là cậu, về quan hệ hôn nhân giữa Thắm và Đón là do cha mẹ định đoạt và đứng ra tổ chức đám cưới, chung sống hạnh phúc được vài năm thì mâu thuẫn nhau, nguyên nhân là do Đ sinh tật xấu đi trộm trâu người ta bị Tòa án nhân dân huyện An Phú xử tội và đi chấp hành án, từ đó làm mất hạnh phúc và hai người chia tay nhau đến nay 07 năm. Theo ông nhận thấy thì cả hai không thể hàn gắn lại được nữa vì đã xa nhau lâu rồi.

Tại biên bản xác minh ngày 10/7/2018 ông Nguyễn Quốc K- Trưởng ấp Phước Hòa cung cấp thông tin như sau: Hiện tại hộ khẩu thường trú của ông Đ vẫn còn ở địa phương chưa chuyển đến nơi khác. Ông Đón đã bỏ địa phương đi làm xa lâu lâu về địa phương một lần. Về quan hệ hôn nhân giữa Thắm và Đón thì ông không rõ.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó việc xác minh nơi cư trú của ông Đ từ ông Nguyễn Quốc Kh- Trường ấp Phước Hòa tại Văn phòng ấp Phước Hòa cho thấy ông vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và cũng có đi và về nhà do đó Tòa án niêm yết theo quy định khoản 05 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Đ.

Trong thời gian ly thân nhau nhưng ông Đ không quan tâm đến vợ và con, bỏ mặc vợ con, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy ông Đ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/4/2007 hiện do bà Th nuôi dạy, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy cháu Nguyễn Thị Yến N từ lúc bà Th và ông Đ không sống chung cháu vẫn ở với mẹ và do mẹ nuôi dạy, để đảm bảo quyền lợi ích của trẻ em được quy định tại khoản 3, Điều 5 Luật trẻ em 2016 thì Tòa án nghĩ nên giao cháu cho bà Th tiếp tục nuôi dạy là hoàn toàn phù hợp pháp luật và theo nguyện vọng của cháu N là được sống với bà Th.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, tuy nhiên do ông Đ vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Đ có chứng cứ khác về tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí:

Bà Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.**

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/4/2007 cho bà Nguyễn Thị Th nuôi.

Bà Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các bên không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002804 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà Th đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2018) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Hưng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi